TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **66**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 4 năm 2019
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thắm**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Chiến**
Ông **Huỳnh Minh Bền**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trần Thúy Kiều** – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 224/2019/ HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sư:

* *Nguyên đơn:* Chị **Võ Huỳnh T** – sinh năm 2000(có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp Tân P A, xã Hòa T, thành phố Cà Mau.
* *Bị đơn*: Anh **Phan Duy L** - sinh năm 1990 (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp , xã Khánh H, huyện U M, tỉnh Cà Mau.
Tạm trú: Ấp Bào S, xã Lý Văn L, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Chị Võ Huỳnh T trình bày tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa như sau***:

- Về hôn nhân: Chị T và anh L chung sống với nhau vào tháng 04 năm 2018 âm lịch, trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, công việc anh L tự quyết định không đưa ra bàn bạc, mâu thuẫn bắt đầu khoảng 02 tháng, gia đình hai bên có hàn gắn 01 lần nhưng không thành. Hiện tại vợ chồng đã không sống chung khoảng 01 tháng nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Phan Duy L.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.
- Về nợ chung và người khác nợ lại: Không có.

Anh Phan Duy L trình bày tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau:

- Về hôn nhân: Về thời gian chung sống đúng như chị T trình bày, về nguyên nhân không đúng như chị T trình bày, nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh L đồng ý.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Khi cưới bên cha mẹ chồng có cho con trong ngày cưới gồm 01 chiếc khâu 01 chỉ vàng 24K, 1 chiếc khâu 02 chỉ vàng 24K, 1 chiếc khâu 03 chỉ vàng 24K, 1 chiếc Kiềng 05 chỉ vàng 24K, 01 cái lắc tay 03 chỉ vàng 24K, 01 đôi bông tay 06 phân vàng 18K, 01 chiếc nhẫn cưới 07 phân vàng 18K; 01 bộ vòng simen 07 chỉ vàng 18K;

Khi cưới bên cha mẹ vợ có cho con trong ngày cưới gồm: 10 triệu đồng tiền mặt, 01 sợi dây chuyền khoảng 1,5 lượng vàng 18k, 01 cái lắc tay 03 chỉ vàng 18K, , 01 chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 18K.

Lâm mua cho 01 chiếc nhẫn 08 phân vàng 18k và 01 chỉ vàng 24 K.

Khi chung sống đã chi xài hết 10.000.000 đồng, hiện vợ chồng đã cầm 02 chỉ vàng 24K để mua điện thoại cho chị Thư và vợ chồng đã cầm cố 04 chỉ vàng 24 K để kinh doanh. (hiện số tiền này anh Lâm đang quản lý.)

Hiện tại số vàng còn lại chị T đang quản lý.

Tại phiên tòa anh L xác định tài sản tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T cũng đồng ý với ý kiến của anh L.

- Về nợ chung và người khác nợ lại: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là ly hôn.

[1]Về hôn nhân: Về nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng.

Chị T và anh L xác lập mối quan hệ vợ chồng trên tinh thần tự nguyện từ năm 2018, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức.

Lý do chị T xin ly hôn do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cả anh, chị đều xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cũng không mang lại hạnh phúc gia đình, nên anh L cũng đồng ý theo yêu cầu của chị T.

Tuy nhiên, Tòa án không thể công nhận chị T và anh L thuận tình ly hôn vì giữa anh và chị chưa đăng ký kết hôn theo quy định, đồng thời do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không công nhận chị T và anh L là vợ chồng.

[2]Về con chung: Chị T và anh L xác định không có con chung.

[3]Về tài sản chung: Chị T và anh L xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]Về nợ chung: Chị T và anh L xác định không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ, chồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 8, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 241 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không công nhận chị Võ Huỳnh T với anh Phan Duy L là vợ chồng.
- Về con chung: Không có
- Tài sản chung: Chị T, anh L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung, nợ riêng: Chị T, anh L khai không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Võ Huỳnh T phải nộp 300.000 đồng. Ngày 15/3/2019 chị T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002202 được chuyển thu án phí.

Án xử công khai chị T, anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thắm

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND Tp. Cà Mau;*
- *Đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ,*
- *Lưu Toà án Tp Cà Mau*